

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 04 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2018/TLST-KDTM ngày 29 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị D**(tên gọi khác: **Duyên**) - sinh năm 1969.

Địa chỉ: huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà **Đỗ Thị N**- sinh năm 1980

Ông **Võ Văn H**- sinh năm 1977.

Địa chỉ: huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

Bà Lê Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Võ Văn H và bà Đỗ Thị N phải trả cho bà D số tiền mua bán bia, nước ngọt còn thiếu là 142.213.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 20/05/2017 đến ngày 27/11/2017 là 142.213.000 đồng x 0,83% x 06 tháng 27 ngày = 7.357.600 đồng, tổng cộng là 142.213.000 đồng + 7.357.600 đồng = 149.570.600 đồng.

Bà Đỗ Thị N và ông Võ Văn H đồng ý trả cho bà Lê Thị D số tiền mua bán bia, nước ngọt còn thiếu là 142.213.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 20/05/2017 đến ngày 27/11/2017 là 142.213.000 đồng x 0,83% x 06 tháng 27 ngày = 7.357.600 đồng, tổng cộng là 142.213.000 đồng + 7.357.600 đồng = 149.570.600 đồng.

Về tiền lãi chậm trả: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Án phí kinh doanh thương sơ thẩm về hòa giải thành là: 3.739.265 đồng. Bà N, ông H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí hòa giải thành là 3.739.265 đồng (Ba triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi lăm) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho bà D số tiền tạm ứng án phí 3.739.000 đồng mà bà D đã nộp theo biên lai số 004694 ngày 29/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Định Quán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Văn Tuấn